

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 8 năm 2019.

Số: 12/2019/QĐST-DS.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 7 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 57/2019/TLST- DS, ngày 28/3/2019.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: 1. Cụ Nguyễn Thị H, sinh năm 1941.

2. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1974.

3. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1979.

4. Ông Nguyễn Tiến Th, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: thôn S, xã N, thành phố B, tỉnh B. Cụ H, ông Q, ông D, ông Tn ủy quyền cho ông Nguyễn Anh N, sinh năm 1971; Địa chỉ: khu T, phường K, thành phố B, tỉnh B.

5. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963.

6. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: thôn S, xã N, thành phố B, tỉnh B. Bà H, bà S ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Phương A, sinh năm: 1994, địa chỉ: khu tập thể D, khu 3, thị trấn P, huyện Q, tỉnh B.

Bị đơn: Bà Bùi Thị T, sinh năm, 1961.

Địa chỉ: thôn S, xã N, thành phố B, tỉnh B.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983.

3. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1986.

4. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: thôn S xã N thành phố B, tỉnh B.

Bà H ủy quyền cho ông Nguyễn Anh N, sinh năm 1971, địa chỉ: khu T, phường K, thành phố B, tỉnh B.

Chị H, chị M, chị M ủy quyền cho bà Bùi Thị T, sinh năm 1961, địa chỉ: thôn S, xã N, thành phố B, tỉnh B.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau :

Di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn T là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 12, tờ bản đồ 34, diện tích $484m^2$ (trong đó có $240m^2$ đất ở tại nông thôn và $244m^2$ đất trồng cây lâu năm) tại thôn S, xã N, thành phố B, tỉnh B đã được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 15/12/2011 mang tên hộ bà Bùi Thị T, số BH873743, số vào sổ cấp GCN: CH01262.

Chia cho bà Bùi Thị T quản lý sử dụng phần đất có diện tích $235,5m^2$, có tứ cận: hướng Tây giáp đường bê tông dài 9,13m; hướng Đông giáp nhà ông Nguyễn Văn O dài 10,46m; hướng Nam giáp nhà ông Nguyễn Văn T dài (16,94m + 7,04m); hướng Bắc giáp phần đất của ông T đang quản lý sử dụng dài 24,18m.

Chia cho ông Nguyễn Tiến T quản lý sử dụng phần đất có diện tích $248,7m^2$, có tứ cận: hướng Tây giáp đường bê tông dài (6,65m+5,48m); hướng Đông giáp nhà ông Nguyễn Văn Đ dài (1,88m+5,76m); hướng Nam giáp phần đất bà T đang quản lý sử dụng dài 24,18m; hướng Bắc giáp nhà ông Nguyễn Thành B dài (13,29m+4,43m+11,43m).

III. Chi phí tố tụng: Bà T, ông T mỗi người chịu 5.000.000đ (*Năm triệu đồng chẵn*) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc hiện trạng và định giá tài sản. Xác nhận đại diện nguyên đơn đã nộp số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng chẵn*). Số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng chẵn*) thu của bà T, được trả lại các nguyên đơn do ông Thôn đại diện.

Án phí: Bà T phải chịu 9.096.000đ (*Chín triệu, không trăm chín mươi sáu nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Ông T phải chịu 9.606.000đ (*Chín triệu, sáu trăm linh sáu nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ số tiền 1.625.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: AA/2018/0001714 ngày 28/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Ông T còn phải nộp 7.981.000 đồng.

Trả lại Cụ Nguyễn Thị H số tiền 1.625.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: AA/2018/0001712 ngày 28/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B

Trả lại ông Nguyễn Văn D số tiền 1.625.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: AA/2018/0001713 ngày 28/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự

thành phố B

Trả lại ông Nguyễn Văn Q số tiền 1.625.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: AA/2018/0001715 ngày 28/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B

Trả lại bà Nguyễn Thị S số tiền 1.625.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: AA/2018/0001716 ngày 28/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B

Trả lại bà Nguyễn Thị H số tiền 1.625.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: AA/2018/0001717 ngày 28/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND thành phố.
- THADS thành phố.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Nhàn